

Thông tin chung

Năm 06 tháng đầu năm 2010
Tên công ty CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC
Địa chỉ 231 Võ Văn Ngân, Quận Thủ Đức, TP. HCM
Báo cáo Báo cáo tài chính
Niên độ 1 Cho năm tài chính 2010 kết thúc tại 31/12/2010
Niên độ 2 Cho năm tài chính 2010 kết thúc tại 31/12/2010
Tổng Giám đốc Ma Đức Tú
Kế toán trưởng Viên Thiên Khanh
Người lập biểu Nguyễn Thị Thu Xương
Chủ tịch HĐQT Ma Đức Tú
Tel
Fax
Mail
Ngày lập BCTC Lập, ngày 24 tháng 02 năm 2011

Kiểm soát số liệu

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

*Báo cáo Tài chính
cho năm tài chính 2010 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
đã được kiểm toán*

Được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	3 - 4
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN	5 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán	6 - 9
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10 - 10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 - 12
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính	13 - 32

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công Ty Cổ Phần Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Thủ Đức (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Công ty

Công Ty Cổ Phần Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Thủ Đức hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000025 ngày 27/03/2000 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301444626, thay đổi lần thứ 11, ngày 01/04/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 80.000.000.000 VND.

Vốn góp của Công ty tại ngày 31/12/2010 là 80.000.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại địa chỉ 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, TP. HCM.

Kết quả hoạt động

Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 21.463.301.766 VND (Năm 2009 lợi nhuận sau thuế là 31.817.292.046 VND).

Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010 là 19.367.458.569 VND (Năm 2009 lợi nhuận chưa phân phối là 35.990.648.138 VND).

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông :	Ma Đức Tú	Chủ tịch
Bà :	Nguyễn Thị Năm	Phó Chủ tịch
Ông :	Nguyễn Mạnh Thảo	Thành viên
Ông :	Dương Xuân Phát	Thành viên
Ông :	Hoàng Đình Sơn	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:

Ông :	Ma Đức Tú	Tổng Giám đốc
Bà :	Nguyễn Thị Năm	Phó Tổng Giám đốc
Ông :	Đặng Quế Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông :	Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát

Bà :	Nguyễn Ngọc Đan Tâm	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông :	Phạm Ngọc Minh	Thành viên BKS
Ông :	Phạm Phát Thành	Thành viên BKS

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính.
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các qui định có liên quan hiện hành.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 do Bộ Tài Chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng quản trị **Công Ty Cổ Phần Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Thủ Đức** phê duyệt Báo cáo tài chính năm 2010 kết thúc ngày 31/12/2010 của Công ty.

Tp.HCM, ngày thángnăm 2011

**Thay mặt Hội đồng Quản trị
Chủ tịch Hội đồng Quản trị**

Tp.HCM, ngày thángnăm 2011

**TM. Ban Giám đốc
Tổng Giám đốc**

Ma Đức Tú

Ma Đức Tú

Số :/2011/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo Tài chính năm 2010
của Công Ty Cổ Phần Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Thủ Đức*

Kính gửi:

- **Cổ đông Công Ty Cổ Phần Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Thủ Đức**
- **Hội đồng Quản trị Công Ty Cổ Phần Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Thủ Đức**
- **Ban Giám đốc Công Ty Cổ Phần Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Thủ Đức**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng của **Công Ty Cổ Phần Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Thủ Đức** được lập ngày 24/02/2011 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 được trình bày từ trang 6 đến trang 32 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của **Công Ty Cổ Phần Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Thủ Đức** tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Tp Hồ Chí Minh, ngày ... tháng năm 2011

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam
Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Lê Văn Tuấn
Chứng chỉ KTV số: 0479/KTV

Dương Thị Quỳnh Hoa
Chứng chỉ KTV số: 0424/KTV

CÔNG TY: CP TM XNK THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, P. Linh Cjieu, Q. Thủ Đức, TP HCM

Tel: 38966819 Fax: 38963210

Báo cáo tài chính

Năm tài chính 2010

Mẫu số

DN - BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (đã kiểm toán)

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	huyết min	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TÀI SẢN			0	0
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		181,666,488,292	174,311,680,090
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	1	15,950,334,440	16,801,715,425
1. Tiền	111		15,950,334,440	16,801,715,425
2. Các khoản tương đương tiền	112		0	0
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	2	13,092,256,370	6,231,886,595
1. Đầu tư ngắn hạn	121		16,883,632,643	9,464,371,139
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-3,791,376,273	-3,232,484,544
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		53,923,579,626	23,179,941,514
1. Phải thu khách hàng	131		42,799,313,544	19,207,904,761
2. Trả trước cho người bán	132		8,437,642,472	3,939,193,554
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Các khoản phải thu khác	135	3	2,686,623,610	32,843,199
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		0	0
IV. Hàng tồn kho	140	4	90,319,273,939	112,514,600,072
1. Hàng tồn kho	141		90,319,273,939	112,743,421,594
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		0	-228,821,522
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8,381,043,917	15,583,536,484
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			0
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		0	0
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5	1,111,043,917	4,976,576,484
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	6	7,270,000,000	10,606,960,000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		154,110,468,483	96,442,983,994
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		0	0
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		0	0

4. Phải thu dài hạn khác	218		0	0
5. Dự phòng các khoản phải thu dài hạn khó đòi	219		0	0
II. Tài sản cố định	220		60,476,640,099	54,072,185,807
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	17,363,615,029	17,943,237,069
- Nguyên giá	222		35,994,662,209	37,364,648,676
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		-18,631,047,180	-19,421,411,607
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		0	0
- Nguyên giá	225		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		0	0
3. Tài sản cố định vô hình	227	8	37,180,499,866	17,971,148,352
- Nguyên giá	228		38,471,820,069	18,698,201,866
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-1,291,320,203	-727,053,514
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	5,932,525,204	18,157,800,386
III. Bất động sản đầu tư	240		32,519,821,172	8,255,868,033
- Nguyên giá	241		33,570,401,762	8,627,079,003
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-1,050,580,590	-371,210,970
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		61,111,110,195	33,488,089,387
1. Đầu tư vào công ty con	251		30,000,000,000	0
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		17,640,000,000	15,552,460,242
3. Đầu tư dài hạn khác	258		15,288,648,625	20,453,614,145
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-1,817,538,430	-2,517,985,000
V. Tài sản dài hạn khác	260		2,897,017	626,840,767
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		0	0
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2,897,017	626,840,767
3. Tài sản dài hạn khác	268		0	0
VI. Lợi thế thương mại	269		0	0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		335,776,956,775	270,754,664,084
NGUỒN VỐN			0	0
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		203,243,729,941	171,224,556,088
I. Nợ ngắn hạn	310		192,369,942,465	170,930,805,888
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		105,978,956,175	76,843,094,045
2. Phải trả người bán	312		48,760,336,233	66,037,646,755
3. Người mua trả tiền trước	313		8,233,733,297	7,906,224,485
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314		1,371,427,140	5,131,014,203
5. Phải trả người lao động	315		7,543,381,467	11,867,417,730
6. Chi phí phải trả	316		112,394,443	109,232,258
7. Phải trả nội bộ	317		0	0

8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		0	0
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		17,358,150,309	1,381,126,425
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		0	0
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		3,011,563,401	1,655,049,987
II. Nợ dài hạn	330		10,873,787,476	293,750,200
1. Phải trả dài hạn người bán	331		0	0
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		0	0
3. Phải trả dài hạn khác	333		98,382,844	117,979,300
4. Vay và nợ dài hạn	334		0	0
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		0	0
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		148,131,900	175,770,900
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		10,627,272,732	0
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		0	0
B.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		132,533,226,834	99,530,107,996
I. Vốn chủ sở hữu	410		132,533,226,834	99,530,107,996
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80,000,000,000	40,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		27,570,929,000	17,569,949,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		0	0
4. Cổ phiếu quỹ	414		-570,000	0
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		0	0
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		948,090	800,603
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1,528,013,448	1,902,262,528
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		4,066,447,727	4,066,447,727
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		0	0
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		19,367,458,569	35,990,648,138
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		0	0
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		0	0
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
1. Nguồn kinh phí	432		0	0
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		0	0
C. LỢI ÍCH CÓ ĐỒNG THIỂU SỐ	439		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		335,776,956,775	270,754,664,084
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG			0	0
1. Tài sản thuê ngoài	01		0	0
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	02		3,240,658,580	3,052,915,900
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	03		0	0

4. Nợ khó đòi đã xử lý	04		0	0
5. Ngoại tệ các loại	05		0	0
- USD				530.93
- EUR				
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	06		0	0

CÔNG TY: CP TM XNK THỦ ĐỨC
 Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, P. Linh Chiểu, Q. Thủ Đức
 Tel: 38966819 Fax: 38963210

Báo cáo tài chính Cty mẹ
 Năm tài chính 2010

Mẫu số

DN - BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	huyết min	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17.1	1,588,852,276,089	1,184,280,852,480
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	38,359,090
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 1 - 2)	10		1,588,852,276,089	1,184,242,493,390
4. Giá vốn hàng bán	11	18	1,521,977,053,450	1,113,732,986,958
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-4)	20		66,875,222,639	70,509,506,432
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17.2	7,534,563,966	4,753,071,146
7. Chi phí tài chính	22	19	10,701,165,718	2,392,167,655
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		10,413,553,412	5,142,004,624
8. Chi phí bán hàng	24		27,995,341,126	35,683,634,950
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		8,302,512,147	7,055,294,849
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh(30=20+21-7-8-9)	30		27,410,767,614	30,131,480,124
11. Thu nhập khác	31	17.3	1,907,487,231	10,615,481,028
12. Chi phí khác	32	20	949,018,329	1,572,776,404
13. Lợi nhuận khác(40=31-32)	40		958,468,902	9,042,704,624
14. Phần lãi lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		0	0
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40+45)	50		28,369,236,516	39,174,184,748
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	6,281,991,000	7,975,183,398
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	22	623,943,750	-618,290,696
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-17)	60		21,463,301,766	31,817,292,046
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		878,727,039	1,257,023,077
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		20,584,574,727	30,560,268,969
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70	24	2,807	7,640

CÔNG TY:CTY CP TM XNK THỦ ĐỨC
 Địa chỉ:231 Võ Văn Ngân, P. Linh Chiểu, Q. Thủ Đức
 Tel: 38966819 Fax: 38963210

Báo cáo tài chính cty mẹ
 Năm tài chính 2010

Mẫu số

DN - BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ - PPTT

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		0	0
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	1,703,521,528,910	1,288,401,335,441
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	-1,333,066,604,589	-1,051,290,061,276
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	-20,432,805,792	-19,512,139,327
4. Tiền chi trả lãi vay	04	-10,240,239,886	-5,597,912,886
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	-10,011,217,276	-2,507,373,929
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	308,481,062,468	279,580,679,061
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	-255,498,155,117	-272,257,600,349
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	382,753,568,718	216,816,926,735
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		0	0
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn	21	-17,660,364,172	-9,678,675,909
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn	22	0	0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-19,695,753,248	-5,146,344,740
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	17,213,943,307	5,345,308,879
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-17,177,539,758	-2,580,065,394
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	0	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5,455,318,068	3,229,652,659
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	-31,864,395,803	-8,830,124,505
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		0	0
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	28,858,380,000	0
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của công ty	32	-65,000,000	0
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	15,274,443,495	9,922,596,445
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-383,188,581,365	-203,566,197,300
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-12,619,796,030	-7,200,000,000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-351,740,553,900	-200,843,600,855
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	-851,380,985	7,143,201,375
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	16,801,715,425	9,658,514,050

Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		0	0
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		15,950,334,440	16,801,715,425

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2010 kết thúc tại 31/12/2010

I Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công Ty Cổ Phần Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Thủ Đức hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000025 ngày 27/03/2000 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301444626, thay đổi lần thứ 11, ngày 01/04/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 80.000.000.000 VND.

Vốn góp của Công ty tại ngày 31/12/2010 là 80.000.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại địa chỉ 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, TP. HCM.

2. Ngành nghề kinh doanh:

Sản xuất kinh doanh hàng xuất nhập khẩu lâm sản chế biến, nông thủy hải sản, thực phẩm, bao bì, hàng thủ công mỹ nghệ, kim khí điện máy, vật tư nguyên liệu, phụ tùng, vật liệu xây dựng, phương tiện vận tải, dịch vụ xuất nhập khẩu và thương mại (trừ sản xuất thực phẩm tươi sống, tái chế phế thải, chế biến gỗ, sản xuất gốm sứ, thủy tinh, gia công cơ khí, xi mạ điện); Kinh doanh dịch vụ kho bãi; Xây dựng và kinh doanh nhà; Mua bán xe máy, xe đạp, máy vi tính và thiết bị máy vi tính; Vận tải xăng dầu; Mua bán khí đốt hóa lỏng (gas) (không mua bán tại trụ sở), bếp ga, đồ dùng cá nhân và gia đình, bách hóa, mỹ phẩm; Sửa chữa, lắp ráp xe đạp; Mua bán điện thoại di động, cố định; Cho thuê nhà; Đại lý kinh doanh xăng, dầu, nhớt, mỡ; Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô.

II Chế độ và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty

1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

2.1. Chế độ kế toán áp dụng:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2010 kết thúc tại 31/12/2010

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính.

2.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

3. Các chính sách kế toán áp dụng

3.1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục công nợ dài hạn (trên 1 năm) có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ ngắn hạn (dưới 1 năm) có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán vào tài khoản chênh lệch tỷ giá, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2010 kết thúc tại 31/12/2010

3.2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ của các mặt hàng xăng dầu, sắt thép được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền; giá trị hàng tồn kho cuối kỳ của mặt hàng xe máy được xác định theo phương pháp thực tế đích danh; giá trị hàng tồn kho cuối kỳ của hàng điện tử được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

3.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

3.3.1. Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

3.3.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

3.4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 30 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 06 - 08 năm |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2010 kết thúc tại 31/12/2010

- Phương tiện vận tải 06 - 09 năm
- Thiết bị văn phòng 03 - 05 năm

3.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;

- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền"

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn

3.6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2010 kết thúc tại 31/12/2010

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

3.7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

3.8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

3.9. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

3.10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2010 kết thúc tại 31/12/2010

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ ngắn hạn (dưới 1 năm) có gốc ngoại

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

3.11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2010 kết thúc tại 31/12/2010

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

3.12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2010 kết thúc tại 31/12/2010

- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài

3.13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2010 kết thúc tại 31/12/2010

III. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>31/12/2010</i> <i>VND</i>	<i>01/01/2010</i> <i>VND</i>
Tiền mặt	1,010,061,178	1,670,548,330
Tiền gửi ngân hàng	14,940,273,262	15,131,167,095
<i>Tiền gửi VND</i>	<i>14,940,273,262</i>	<i>15,121,363,472</i>
<i>Tiền gửi ngoại tệ</i>		<i>9,803,623</i>

Ghi chú:

- Tiền mặt tồn quỹ trên bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2010 khớp với biên bản kiểm kê thực tế
- Tiền gửi Ngân hàng vào ngày 31/12/2010 trên bảng cân đối kế toán phù hợp với các xác nhận số dư của Ngân hàng.

Tổng cộng	15,950,334,440	16,801,715,425
------------------	-----------------------	-----------------------

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<i>31/12/2010</i> <i>VND</i>	<i>01/01/2010</i> <i>VND</i>
2.1 Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	16,883,632,643	9,464,371,139

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC
 231 Võ Văn Ngân, Quận Thủ Đức, TP. HCM

Báo cáo tài chính
 Cho năm tài chính 2010 kết thúc tại 31/12/2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2010 kết thúc tại 31/12/2010

+ CK đầu tư ngắn hạn (Trái phiếu)	122,000,000	-
<i>Công Ty CP Cơ Điện Lạnh (52 TP)</i>	<i>52,000,000</i>	
<i>Công Ty CP Phát Triển Nhà Thủ Đức (700 TP)</i>	<i>70,000,000</i>	
+ CK đầu tư ngắn hạn (Cổ phiếu)	16,761,632,643	9,464,371,139
2.2 Đầu tư ngắn hạn khác (Tiền gửi có kỳ hạn)		-
2.3 Đầu tư ngắn hạn khác (Cho vay)	-	-
2.4 Dự phòng giảm giá CK đầu tư ngắn hạn (*)	(3,791,376,273)	(3,232,484,544)
Tổng cộng	<u>13,092,256,370</u>	<u>6,231,886,595</u>

Ghi chú: Chi tiết số dư cuối kỳ khoản mục đầu tư chứng khoán ngắn hạn (cổ phiếu):

	31/12/2010		01/01/2010		Lý do tăng/giảm
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	
Công ty CP Đầu tư Phát triển CN TM Củ Chi	67,185	480,560,000			Chuyển từ ĐTDH sang NH, chia Cp thưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC
 231 Võ Văn Ngân, Quận Thủ Đức, TP. HCM

Báo cáo tài chính
 Cho năm tài chính 2010 kết thúc tại 31/12/2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính 2010 kết thúc tại 31/12/2010

<i>Công Ty CP Thương Nghiệp Cà Mau</i>	39,270	760,500,000			Chuyển từ ĐTDH
<i>Công Ty CP Vật Tư Xăng Dầu</i>	9,810	251,109,770	6,540	251,109,770	Chia Cp thường
<i>Ngân Hàng CP Công Thương Việt Nam</i>	8,003	153,664,000	10,000	201,000,000	Mua bán trong kỳ
<i>Công Ty CP Phát Triển DT Công Nghệ FPT</i>	2,000	232,036,700	1,500	232,036,700	Chia Cp thường
<i>Công Ty CP Tập Đoàn Hòa Phát</i>	12,930	529,781,560	9,000	553,136,200	Bán bớt Cp, chia Cp thường
<i>Công Ty CP Xi Măng Hà Tiên 2</i>	50,000	1,375,000,000	50,000	1,375,000,000	
<i>Công Ty CP Thép Pomina</i>	206,691	6,110,734,248			Chuyển từ ĐTDH, mua Cp, chia Cp thường
<i>Công Ty CP Cơ Điện Lạnh</i>	11,440	489,808,240	5,200	489,808,240	Chia Cp thường
<i>Công Ty CP Cấp Và Vật Liệu Viễn Thông</i>	3,600	445,489,329	3,600	445,489,329	
<i>Công Ty CP Đầu Tư Thương Mại SMC</i>	65,000	1,614,241,067	72,006	1,965,266,825	Quyền mua, bán trong kỳ
<i>Công Ty CP Chứng Khoán Sài Gòn</i>	4,500	398,865,000	2,250	398,865,000	Chia Cp thường
<i>Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Sacombank</i>	40,005	1,187,042,846	33,500	1,261,532,565	Chia Cp thường, mua bán trong kỳ
<i>Công Ty CP Dệt Thành Công</i>	4,480	217,316,800	4,480	217,316,800	
<i>Công Ty CP Phát Triển Nhà Thủ Đức</i>	7,000	370,256,724	6,005	543,583,350	Chia Cp thường, mua bán trong kỳ
<i>Công Ty CP Thép Nhà Bè</i>	50,000	1,185,000,000			Chuyển từ ĐTDH
<i>Quý Đầu Tư Chứng Khoán VM VF1</i>	4,000	159,543,860	4,000	159,543,860	
<i>Công Ty CP TMDV Vũng Tàu</i>			45,000	1,155,000,000	Bán Cp
<i>Công Ty CP Vận Tải Xăng Dầu Vitaco</i>	4,000	215,682,500	4,000	215,682,500	
<i>Công ty CP Lương Thực Vĩnh Long</i>	100,000	585,000,000			Chuyển từ ĐTDH sang NH, mua Cp
Tổng cộng		16,761,632,643		9,464,371,139	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2010 kết thúc tại 31/12/2010

(**) Chi tiết số dư khoản mục dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn tại ngày 31/12/2010 là:*

Công Ty Cổ Phần Phát Triển DT Công Nghệ FPT	(103,036,700)
Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hòa Phát	(29,390,560)
Công Ty Cổ Phần Xi Măng Hà Tiên 1	(815,000,000)
Công Ty CP Thép POMINA	(199,371,648)
Công Ty Cổ Phần Cơ Điện Lạnh	(287,320,240)
Công Ty Cổ Phần Cấp Và Vật Liệu Viễn Thông	(378,169,329)
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Thương Mại SMC	(171,241,067)
Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Sài Gòn	(254,865,000)
Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Sacombank	(538,961,845)
Công Ty Cổ Phần Dệt Thành Công	(112,036,800)
Công Ty Cổ Phần Phát Triển Nhà Thủ Đức	(128,756,724)
Công Ty CP Thép Nhà Bè	(480,000,000)
Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán VN VFI	(113,143,860)
Công Ty Cổ Phần Vận Tải Xăng Dầu Vitaco	(180,082,500)
	<u>(3,791,376,273)</u>

3. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<i>31/12/2010</i>	<i>01/01/2010</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
	<u>2,686,623,610</u>	<u>32,843,199</u>
1. Phải thu về cổ phần hóa	-	-
2. Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC
231 Võ Văn Ngân, Quận Thủ Đức, TP. HCM

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính 2010 kết thúc tại 31/12/2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2010 kết thúc tại 31/12/2010

3. Phải thu về lao động	-	-
4. Phải thu khác	2,686,623,610	32,843,199

Chi tiết số dư khoản mục phải thu khác tại ngày 31/12/2010 là:

+ Công Ty Thép TMC	407,236,500
+ Công Ty TNHH MTV 30/4	1,888,976,062
+ NHCT Đông Sài Gòn	366,666,669
+ Phải thu khác	23,744,379
Tổng cộng	2,686,623,610

4. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2010</u> VND	<u>01/01/2010</u> VND
Giá gốc của hàng tồn kho		
- Hàng mua đang đi đường	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	659,976,795	860,942,872
- Công cụ, dụng cụ	-	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-
- Thành phẩm	-	-
- Hàng hoá	89,659,297,144	111,882,478,722
- Hàng gửi đi bán	-	-
- Hàng hóa kho bảo thuế	-	-
- Hàng hóa bất động sản	-	-
Tổng cộng	90,319,273,939	112,743,421,594

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2010 kết thúc tại 31/12/2010

- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(228,821,522)
- Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	90,319,273,939	112,514,600,072
- Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp cho các khoản nợ		
- Lý do trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho		

5. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	<i>31/12/2010</i>	<i>01/01/2010</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	-	-
- Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước:	1,111,043,917	4,976,576,484
+ Thuế GTGT	1,111,043,917	4,976,576,484
+ Thuế TNDN	-	-
Tổng cộng	1,111,043,917	4,976,576,484

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

6. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<i>31/12/2010</i>	<i>01/01/2010</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
- Tạm ứng		6,960,000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2010 kết thúc tại 31/12/2010

- Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	7,270,000,000	10,600,000,000
Tổng cộng	<u>7,270,000,000</u>	<u>10,606,960,000</u>
<i>Chi tiết số dư khoản mục ký quỹ, ký cược ngắn hạn tại ngày 31/12/2010 là:</i>		
<i>Trong đó:</i>		
+ Tổng Công Ty Thép Việt Nam	6,000,000,000	
+ Công Ty Honda	100,000,000	
+ Công Ty CP Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	750,000,000	
+ Công ty TNHH MTV TMKT & ĐT Petec	420,000,000	
Tổng cộng	<u>7,270,000,000</u>	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC
 231 Võ Văn Ngân, Quận Thủ Đức, TP. HCM

Báo cáo tài chính
 Cho năm tài chính 2010 kết thúc tại 31/12/2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2010 kết thúc tại 31/12/2010

7. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
1. Số dư đầu năm	24,416,097,630	4,668,881,858	7,803,060,121	476,609,067	37,364,648,676
2. Số tăng trong năm	2,021,100,917	883,718,614	2,629,977,182	11,363,636	5,546,160,349
<i>Bao gồm:</i>					
- Mua trong năm	177,169,209	459,909,090	2,629,977,182	11,363,636	3,278,419,117
- Đầu tư XDCN hoàn thành	1,843,931,708	300,000,000	-	-	2,143,931,708
- Tăng khác	-	123,809,524	-	-	123,809,524
3. Số giảm trong năm	4,859,048,818	632,052,259	1,425,045,739	-	6,916,146,816
<i>Bao gồm:</i>					
- Thanh lý, nhượng bán	4,859,048,818	632,052,259	1,425,045,739	-	6,916,146,816
- Giảm khác	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	21,578,149,729	4,920,548,213	9,007,991,564	487,972,703	35,994,662,209
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Số dư đầu năm	13,627,833,955	3,006,626,006	2,545,129,384	241,822,262	19,421,411,607
2. Khấu hao trong năm	1,574,935,019	510,635,626	993,573,950	68,637,388	3,147,781,984
<i>Bao gồm:</i>					
- Khấu hao tăng trong năm	1,574,935,019	510,635,626	993,573,950	68,637,388	3,147,781,984
- Tăng khác	-	-	-	-	-
3. Giảm trong năm	3,109,925,010	340,943,995	487,277,406	-	3,938,146,411
<i>Bao gồm:</i>					
- Thanh lý, nhượng bán	3,109,925,010	340,943,995	487,277,406	-	3,938,146,411
- Giảm khác	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	12,092,843,964	3,176,317,637	3,051,425,928	310,459,650	18,631,047,180
III. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình					
1. Tại ngày đầu năm	10,788,263,675	1,662,255,852	5,257,930,737	234,786,805	17,943,237,069
2. Tại ngày cuối năm	9,485,305,765	1,744,230,576	5,956,565,636	177,513,053	17,363,615,030

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC
 231 Võ Văn Ngân, Quận Thủ Đức, TP. HCM

Báo cáo tài chính
 Cho năm tài chính 2010 kết thúc tại 31/12/2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2010 kết thúc tại 31/12/2010

8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất lâu dài	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy tính	TSCĐ khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ vô hình						
1. Số dư đầu năm	4,080,621,828	14,496,380,038	-	121,200,000	-	18,698,201,866
2. Số tăng trong năm	11,273,618,203	8,500,000,000	-	-	-	19,773,618,203
<i>Bao gồm:</i>						
- Mua trong năm	11,273,618,203	8,500,000,000	-	-	-	19,773,618,203
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
<i>Bao gồm:</i>						
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	15,354,240,031	22,996,380,038	-	121,200,000	-	38,471,820,069
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu năm		673,186,842	-	53,866,672		727,053,514
2. Khấu hao trong năm	-	523,866,685	-	40,400,004	-	564,266,689
<i>Bao gồm:</i>						
- Khấu hao tăng trong năm		523,866,685	-	40,400,004		564,266,689
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
<i>Bao gồm:</i>						
- Thanh lý nhượng bán						-
- Giảm khác						-
4. Số dư cuối năm	-	1,197,053,527	-	94,266,676	-	1,291,320,203
III. Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình						
1. Tại ngày đầu năm	4,080,621,828	13,823,193,196	-	67,333,328	-	17,971,148,352
2. Tại ngày cuối năm	15,354,240,031	21,799,326,511	-	26,933,324	-	37,180,499,866

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2010 kết thúc tại 31/12/2010

Đơn vị tính: VND

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
- Chi phí XD CB dở dang	5,877,979,749	16,339,618,568
<i>Trong đó: những công trình, hạng mục lớn</i>		
+ Nhà 37 Lê Văn Ninh	8,784,000	
+ Trung Tâm Thương Mại Dịch Vụ 231		15,761,872,303
+ Công trình 746 Kha Vạn Cân		-
+ Công trình TTTM số 1 Dương Văn Cam	2,629,610,678	577,746,265
+ Công trình 38 Đặng Văn Bi	1,671,372,727	
+ Trạm xăng dầu Long Thành	423,594,446	-
+ Trạm xăng dầu số 5	150,909,091	
+ Chung cư 27 đường số 9, Linh Xuân	909,090,909	
+ Lắp bồn 25m ³ trạm XD số 4	84,617,898	
- Mua sắm tài sản cố định	54,545,455	1,818,181,818
- Sửa chữa lớn tài sản cố định		
Tổng cộng	5,932,525,204	18,157,800,386

10. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối năm
I. Nguyên giá BĐS đầu tư	8,627,079,003	24,943,322,759	-	33,570,401,762
1. Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
2. Nhà	8,627,079,003	24,943,322,759	-	33,570,401,762
II. Giá trị hao mòn lũy kế	371,210,970	679,369,620	-	1,050,580,590

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2010 kết thúc tại 31/12/2010

Đơn vị tính: VND

1. Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
2. Nhà	371,210,970	679,369,620	-	1,050,580,590
III. Giá trị còn lại BĐS đầu tư	8,255,868,033	24,263,953,139	-	32,519,821,172
1. Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
2. Nhà	8,255,868,033	24,263,953,139	-	32,519,821,172

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>	
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	
11.1. Đầu tư vào công ty con (*)	30,000,000,000		
11.2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh (**)	17,640,000,000	15,552,460,242	-
11.3. Đầu tư dài hạn khác	15,288,648,625	20,453,614,145	
Trong đó:			
1. Đầu tư cổ phiếu (***)	14,327,720,000	19,424,560,000	
2. Đầu tư trái phiếu		120,800,000	
3. Đầu tư tín phiếu, kỳ phiếu	-	-	
4. Cho vay dài hạn	-	-	
5. Đầu tư dài hạn khác	960,928,625	908,254,145	
11.4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (****)	(1,817,538,430)	(2,517,985,000)	
Tổng cộng	<u>61,111,110,195</u>	<u>33,488,089,387</u>	

(*) Chi tiết số dư khoản mục đầu tư vào công ty con:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2010 kết thúc tại 31/12/2010

Đơn vị tính: VND

	<u>Tỷ lệ vốn</u>	<u>31/12/2010</u> VND	<u>01/01/2010</u> VND		
Công Ty TNHH MTV Thép TM	100%	15,000,000,000			
Công Ty TNHH MTV 30/4	100%	15,000,000,000			
		30,000,000,000	-		
(**) Chi tiết số dư khoản mục đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh:					
		<u>31/12/2010</u> VND	<u>01/01/2010</u> VND		
Công Ty TNHH TMDV Song Đức		17,640,000,000	15,462,460,242		
Công Ty TNHH TMDV 3/2			90,000,000		
Tổng cộng		17,640,000,000	15,552,460,242	#REF!	
(***) Chi tiết số dư khoản mục đầu tư cổ phiếu:					
		<u>31/12/2010</u>		<u>01/01/2010</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Lý do tăng/giảm</u>
Công Ty CP Đầu Tư PT KCN TM Củ Chi			4,479	480,560,000	Chuyển sang ĐTNH
Công Ty CP Vật Tư Hậu Giang	595,000	4,905,000,000	300,000	4,705,000,000	Chia Cp thường
Công Ty CP Địa Ốc 9	350,000	3,840,000,000	200,000	2,040,000,000	Mua thêm Cp
Công Ty CP Lương Thực TP Vinh			50,000	585,000,000	
Công Ty CP Dệt Việt Thắng	50,000	527,500,000	50,000	527,500,000	
Công Ty CP Dệt Đông Á	50,000	897,500,000	50,000	897,500,000	

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC
 231 Võ Văn Ngân, Quận Thủ Đức, TP. HCM

Báo cáo tài chính
 Cho năm tài chính 2010 kết thúc tại 31/12/2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2010 kết thúc tại 31/12/2010

Đơn vị tính: VND

Công Ty CP XNK Vĩnh Long	44,850	339,000,000	30,000	339,000,000	Chia Cp thưởng
Ngân Hàng TMCP Phương	52,451	1,975,220,000	44,155	1,936,000,000	Mua thêm Cp
Công Ty CP Dệt Gia Dụng Phong	30,000	423,000,000	30,000	423,000,000	
Công Ty CP Thép Pomina			150,000	4,125,000,000	Chuyển sang ĐTNH
Công Ty CP Dệt Vải Phong Phú	30,000	423,000,000	30,000	423,000,000	
Công Ty CP Thương Nghiệp Cà Mau			30,000	760,500,000	Chuyển sang ĐTNH
Công Ty CP Thép Nhà Bè			50,000	1,185,000,000	Chuyển sang ĐTNH
Công Ty CP Thép Biên Hòa	35,000	997,500,000	35,000	997,500,000	
Tổng cộng		14,327,720,000		19,424,560,000	

(****) Chi tiết số dư khoản mục dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 31/12/2010 là:

Ngân Hàng TMCP Phương Nam	(1,447,038,430)
Công Ty CP Dệt Vải Phong Phú	(3,000,000)
Công Ty CP Thép Biên Hòa	(367,500,000)
Tổng cộng	(1,817,538,430)

12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
12.1. Vay ngắn hạn	105,978,956,175	76,843,094,045
- Vay ngân hàng	84,300,000,000	55,300,000,000
+ Ngân Hàng Công Thương - CN 14	40,300,000,000	25,800,000,000
+ Ngân hàng ĐT và PT	13,000,000,000	10,000,000,000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2010 kết thúc tại 31/12/2010

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
+ Ngân Hàng Sài Gòn Thương Tín	15,000,000,000	3,500,000,000
+ Ngân Hàng HSBC	16,000,000,000	16,000,000,000
- Vay đối tượng khác	21,678,956,175	21,543,094,045
12.2. Nợ dài hạn đến hạn trả		-
Tổng cộng	105,978,956,175	76,843,094,045

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>31/12/2010</i>	<i>01/01/2010</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
13.1. Thuế phải nộp nhà nước	1,371,427,140	5,131,014,203
- Thuế GTGT		
- Thuế TTĐB	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
- Thuế TNDN	1,342,814,631	5,072,040,905
- Thuế tài nguyên	-	-
- Thuế nhà đất	-	-
- Tiền thuê đất	-	-
- Các loại thuế khác	28,612,509	58,973,298
+ <i>Thuế thu nhập cá nhân</i>	28,612,509	58,973,298
+ <i>Các loại thuế khác</i>	-	-
13.2. Các khoản phải nộp khác	-	-
- Các khoản phí, lệ phí	-	-
- Các khoản phải nộp khác	-	-
Tổng cộng	1,371,427,140	5,131,014,203

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2010 kết thúc tại 31/12/2010

Đơn vị tính: VND

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	-	-
- Chi phí trong thời gian ngừng kinh doanh	-	-
- Trích trước chi phí lãi vay	112,394,443	109,232,258
Tổng cộng	112,394,443	109,232,258

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
- Tài sản thừa chờ xử lý	-	-
- BHYT	-	-
- BHXH	-	24,783,808
- KPCĐ	-	-
- Doanh thu chưa thực hiện	-	-
- Phải trả về cổ phần hoá	-	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1,344,154,895	936,152,055
- Cổ tức, lợi nhuận liên doanh phải trả	445,108,096	420,190,562
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	15,568,887,318	-
Tổng cộng	17,358,150,309	1,381,126,425

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC
 231 Võ Văn Ngân, Quận Thủ Đức, TP. HCM

Báo cáo tài chính
 Cho năm tài chính 2010 kết thúc tại 31/12/2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2010 kết thúc tại 31/12/2010

Đơn vị tính: VND

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
- Số dư đầu năm nay	40,000,000,000	17,569,949,000		1,902,262,528	4,066,447,727	35,990,648,138
- Tăng trong kỳ	40,000,000,000	10,067,080,000	570,000	1,528,013,448	-	21,463,301,766
- Tăng do phát hành thêm cổ phiếu	40,000,000,000	10,067,080,000	570,000			
- Lợi nhuận tăng trong kỳ						21,463,301,766
- Trích từ lợi nhuận năm trước				1,528,013,448		
- Tăng khác						
- Giảm trong kỳ	-	-	-	1,902,262,528	-	38,086,491,335
Trong đó:						
- Trích lập các quỹ theo biên bản họp đại HĐCĐ	-	-			-	6,112,053,794
. Quỹ Đầu tư phát triển						1,528,013,448
. Quỹ Dự phòng tài chính						-
. Quỹ Khen thưởng phúc lợi						4,584,040,346
. Nguồn vốn đầu tư XDCB						
- Giảm do phát hành thêm cổ phiếu				1,902,262,528		18,097,737,472
- Chia lãi hợp tác kinh doanh						878,727,039
- Chi thù lao, thưởng HĐQT và BKS						428,577,000
- Chia cổ tức						12,569,396,030
- Giảm khác		66,100,000				
- Số dư cuối kỳ	80,000,000,000	27,570,929,000	570,000	1,528,013,448	4,066,447,727	19,367,458,569

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC
 231 Võ Văn Ngân, Quận Thủ Đức, TP. HCM

Báo cáo tài chính
 Cho năm tài chính 2010 kết thúc tại 31/12/2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2010 kết thúc tại 31/12/2010

16.2. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	<i>Năm 2010</i>	<i>Năm 2009</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	80,000,000,000	40,000,000,000
+ Vốn góp đầu năm	40,000,000,000	40,000,000,000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	40,000,000,000	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	80,000,000,000	40,000,000,000

16.3. Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ kế toán:		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường:	Dự kiến 16%	18%
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:		
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận:		

16.4. Cổ phiếu

	<i>31/12/2010</i>	<i>01/01/2010</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8,000,000	4,000,000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8,000,000	4,000,000
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	<i>8,000,000</i>	<i>4,000,000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	57	-
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	<i>57</i>	
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7,999,943	4,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC
231 Võ Văn Ngân, Quận Thủ Đức, TP. HCM

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính 2010 kết thúc tại 31/12/2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2010 kết thúc tại 31/12/2010

+ Cổ phiếu thường	7,999,943	4,000,000
+ Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP

16.5. Các quỹ của doanh nghiệp

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	1,528,013,448	1,902,262,528
- Quỹ dự phòng tài chính	4,066,447,727	4,066,447,727
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	3,011,563,401	1,655,049,987
- Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	-	-

Mục đích của trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

16.5.1. Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- a) Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh.
- b) Bù đắp khoản lỗ của công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị hoặc đại diện chủ sở hữu.

16.5.2. Quỹ đầu tư phát triển được dùng để

- a) Bổ sung vốn điều lệ cho công ty.
- b) Đầu tư mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh và đổi mới công nghệ, trang thiết bị điều kiện làm việc của Công ty.

16.5.3. Quỹ khen thưởng được dùng để:

- a) Thưởng cuối năm hoặc thưởng kỳ trên cơ sở năng suất lao động và thành tích công tác của mỗi cán bộ, công nhân viên trong Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2010 kết thúc tại 31/12/2010

- b) Thường đột xuất cho những cá nhân, tập thể trong Công ty .
- c) Thường cho những cá nhân và đơn vị ngoài Công ty có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của công ty.

16.5.4. Quỹ phúc lợi được dùng để:

- a) Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của Công ty.
- b) Chi cho các hoạt động phúc lợi công cộng của tập thể công nhân viên Công ty, phúc lợi xã hội.
- c) Góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành, hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng;
- d) Ngoài ra có thể sử dụng một phần quỹ phúc lợi để trợ cấp khó khăn đột xuất cho những người lao động kể cả những trường hợp về hưu, về mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa, hoặc làm công tác từ thiện xã hội.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2010 kết thúc tại 31/12/2010

Đơn vị tính: VND

17. DOANH THU

Chỉ tiêu	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
17.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Tổng doanh thu	1,588,852,276,089	1,184,280,852,480
+ Doanh thu bán hàng	1,583,709,607,706	1,181,677,157,372
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	5,142,668,383	2,603,695,108
- Các khoản giảm trừ doanh thu	-	38,359,090
+ Chiết khấu thương mại		
+ Giảm giá hàng bán		
+ Hàng bán bị trả lại	-	38,359,090
+ Thuế GTGT phải nộp (phương pháp trực tiếp)		
+ Thuế TTĐB		
+ Thuế xuất khẩu		
- Doanh thu thuần	1,588,852,276,089	1,184,242,493,390
Trong đó:		
+ Doanh thu thuần trao đổi hàng hoá	1,583,709,607,706	1,181,638,798,282
+ Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	5,142,668,383	2,603,695,108
17.2. Doanh thu hoạt động tài chính	7,534,563,966	4,753,071,146
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay, ký quỹ	647,893,620	889,146,254
- Lãi đầu tư cổ phiếu		-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	3,521,356,944	1,419,410,553
- Thu nhập từ hoạt động liên doanh	1,453,200,000	1,307,800,000
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	1,912,113,402	1,136,714,339

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC
 231 Võ Văn Ngân, Quận Thủ Đức, TP. HCM

Báo cáo tài chính
 Cho năm tài chính 2010 kết thúc tại 31/12/2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2010 kết thúc tại 31/12/2010

Đơn vị tính: VND

17.3. Thu nhập khác	1,907,487,231	10,615,481,028
- Thu nhập từ tiền đền bù giải phóng mặt bằng		11,364,000
- Thu nhập từ khách hàng vi phạm hợp đồng		29,478,205
- Thu nhập do được khuyến mại, chiết khấu...	746,993,818	1,514,551,551
- Thu từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ	1,050,000,000	8,892,641,571
- Thu từ tiền lãi ký quỹ		19,012,500
- Xử lý sắt thép nhập thừa	86,587,673	148,433,201
- Khác	23,905,740	

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<i>Năm 2010</i>	<i>Năm 2009</i>
	VND	VND
- Giá vốn của hàng hoá đã cung cấp	1,521,977,053,450	1,113,732,986,958
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	-	-
- Hao hụt, mất mát hàng tồn kho	-	-
Tổng cộng	1,521,977,053,450	1,113,732,986,958

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Năm 2010</i>	<i>Năm 2009</i>
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	10,413,553,412	5,142,004,624
- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	558,891,729	
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(700,446,570)	(3,450,556,911)
- Lỗ bán chứng khoán	380,188,437	
- Chi phí hoạt động tài chính khác	48,978,710	700,719,942

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC
231 Võ Văn Ngân, Quận Thủ Đức, TP. HCM

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính 2010 kết thúc tại 31/12/2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2010 kết thúc tại 31/12/2010

		<i>Đơn vị tính: VND</i>
Tổng cộng	10,701,165,718	2,392,167,655

20. CHI PHÍ KHÁC

	<i>Năm 2010</i>	<i>Năm 2009</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
- Chi phí bị phạt		163,344,759
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	949,008,099	1,364,190,821
- Chi phí điện nước		45,240,824
- Chi phí khác	10,230	
Tổng cộng	949,018,329	1,572,776,404

21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<i>Năm 2010</i>	<i>Năm 2009</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	6,281,991,000	7,975,183,398
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay		
Tổng cộng	6,281,991,000	7,975,183,398

Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định như sau:

	<i>Năm 2010</i>	<i>Năm 2009</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Chỉ tiêu		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2010 kết thúc tại 31/12/2010

Đơn vị tính: VND

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	28,369,236,516	39,174,184,748
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	(3,241,272,508)	(740,546,057)
+ Các khoản điều chỉnh tăng	280,084,436	678,864,496
+ Các khoản điều chỉnh giảm (thu từ cổ tức)	3,521,356,944	1,419,410,553
- Tổng thu nhập chịu thuế	25,127,964,008	38,433,638,691
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (25%)	6,281,991,000	9,608,409,674
- Điều chỉnh CP thuế TNDN của các năm trước		710,120,639
- Thuế TNDN được giảm theo NQ 03/2009/TT-BTC		2,343,346,915
- Thuế TNDN còn phải nộp	6,281,991,000	7,975,183,398
+ Trong đó thuế TNDN từ chuyển quyền SDD		1,797,253,290

22. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	<i>Năm 2010</i>	<i>Năm 2009</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
tạm thời phải chịu thuế		
thời phải chịu thuế	2,826,527	(1,238,581,473)
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	621,117,223	620,290,777
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ (*)		

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC
231 Võ Văn Ngân, Quận Thủ Đức, TP. HCM

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính 2010 kết thúc tại 31/12/2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2010 kết thúc tại 31/12/2010

Đơn vị tính: VND

- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng (*)
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả (*)

Tổng cộng	623,943,750	(618,290,696)
------------------	--------------------	----------------------

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chỉ tiêu	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
1. Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2,682,329,200	1,740,145,655
2. Chi phí nhân công	20,349,128,877	28,509,193,979
3. Chi phí khấu hao TSCĐ	4,392,326,851	3,779,174,250
4. Chi phí dịch vụ mua ngoài	8,112,915,553	6,913,877,721
5. Chi phí khác bằng tiền	1,876,963,368	1,796,538,194
Tổng cộng	37,413,663,849	42,738,929,799

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (đã chia liên doanh)	20,584,574,727	30,560,268,969
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho CĐ sở hữu CP phổ thông	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC
 231 Võ Văn Ngân, Quận Thủ Đức, TP. HCM

Báo cáo tài chính
 Cho năm tài chính 2010 kết thúc tại 31/12/2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2010 kết thúc tại 31/12/2010

Đơn vị tính: VND

+ Các khoản điều chỉnh tăng		
+ Các khoản điều chỉnh giảm		
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho CĐ sở hữu CP phổ thông	20,584,574,727	30,560,268,969
CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	7,333,286	4,000,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2,807	7,640

IV. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Thông tin với các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan, các nghiệp vụ chủ yếu:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	Cổ đồng chiến lược	Mua hàng	276,616,900,003
Công ty TNHH MTV Dầu khí TP. HCM	Cổ đồng chiến lược	Mua hàng	465,820,571,811
Công ty TNHH MTV TMKT & ĐT Petec	Cổ đồng chiến lược	Mua hàng	424,692,101,138
Công ty TNHH MTV Thép TMC	Công ty con	Mua hàng	696,285,091
CỘNG			<u><u>1,167,825,858,043</u></u>
Công ty TNHH DV Song Đức	Công ty liên kết	Bán hàng	23,015,175,153
Công ty TNHH MTV Thép TMC	Công ty con	Bán hàng	63,052,991,790
CỘNG			<u><u>86,068,166,943</u></u>

Cho đến ngày lập báo cáo tài chính, các khoản công nợ với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Công ty TNHH MTV Dầu khí TP. HCM	Cổ đồng chiến lược	Phải thu tiền hàng	33,440,000
Công ty TNHH DV Song Đức	Công ty liên kết	Phải thu tiền hàng	82,820,153

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC
231 Võ Văn Ngân, Quận Thủ Đức, TP. HCM

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính 2010 kết thúc tại 31/12/2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2010 kết thúc tại 31/12/2010

			<i>Đơn vị tính: VND</i>
Công ty TNHH MTV Thép TMC	Công ty con	Phải thu tiền hàng	21,847,031,148
CỘNG			21,963,291,301
Công ty TNHH MTV TMKT & ĐT Petec	Cổ đông chiến lược	Phải trả tiền hàng	32,268,930,453
CỘNG			32,268,930,453

Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam - AASCS kiểm toán. Số liệu này đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

Lập ngày 24 tháng 02 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thu Xương

Viên Thiên Khanh

Ma Đức Tú